TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/**2020/HNGĐ- ST
Ngày 17/3/2020
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Hải
2. Bà Hoàng Thị Oanh

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2019/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị G, sinh năm 1984.

- *Bị đơn*: Anh Trần Kim T, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Thôn H, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(chị Gái có mặt, anh Thiện có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lâm Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2013 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn H, xã N, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng

được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 29/01/2014. Khi ly hôn do hiện nay cháu Lan A đang ở cùng anh T, chị đang đi làm ăn xa nhà nên chị muốn giao cháu Lan A cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị G xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/12/2019, anh Trần Kim T trình bày:

Anh và chị Lâm Thị G có đăng ký kết hôn tại Uỷ (UBND) xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn chung sống tại thôn H, xã N, huyện Sơn Dương. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh T xác định mâu thuẫn xảy ra giữa anh và chị G là do bất đồng quan điểm dẫn đến mối quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, anh chị ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị G có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh và chị G được ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 29/01/2014. Hiện nay cháu Lan A đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lan A và không yêu cầu chị Gái cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lâm Thị G được ly hôn với anh Trần Kim T. Giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 29/01/2014 cho anh Trần Kim T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lâm Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị G và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lâm Thị G và anh Trần Kim T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn H, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Trần Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị G, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị G xác định: chị G và anh T kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn H, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị G và anh T cũng sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Chị Lâm Thị G và anh Trần Kim T đều nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị G. Xử cho chị Lâm Thị G được ly hôn với anh Trần Kim T.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: kết quả xác minh cho thấy, kể từ khi sống ly thân (năm 2017) đến nay, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Lan A. Quá trình giải quyết ly hôn chị G đề nghị giao cháu Lan A cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T nhất trí với quan điểm về phần giao nuôi con chung của chị G. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 29/01/2014 cho anh Trần Kim T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lâm Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị G và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: chị Lâm Thị G phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị G về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Trần Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lâm Thị G được ly hôn với Trần Kim T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 29/01/2014 cho anh Trần Kim T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lâm Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004325 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Kim T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/3/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh